

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Mỹ Tú năm 2024.

Kính gửi : Hội đồng Nhân dân huyện Mỹ Tú.

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 36, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Quá trình điều hành ngân sách huyện trong 06 tháng đầu năm 2024 có phát sinh một số khoản thu, chi ngân sách huyện so với dự toán đầu năm như: các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách TW, tỉnh (ngoài số phân bổ đầu năm) cho ngân sách huyện; từ khoản thu, chi chuyển nguồn theo quy định của Bộ Tài chính; thu từ kết dư ngân sách huyện, xã. Từ tình hình nêu trên Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú trình Hội đồng Nhân Dân huyện xem xét điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2024 đã thông qua tại Nghị quyết 73/NQ-HĐND, ngày 13/12/2023 của HĐND huyện Mỹ Tú cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách huyện năm 2024 (bao gồm cấp huyện và cấp xã): 149.213.951.871 đồng. Dự toán sau khi đã điều chỉnh: 720.619.951.871 đồng.

Trong đó:

1. Tăng dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 41.709.822.230 đồng.
2. Tăng dự toán thu chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 là: 79.992.602.043 đồng.
3. Tăng thu nguồn kết dư ngân sách năm 2023 là: 27.511.527.598 đồng.

(Chi tiết tại phần A của biểu số 81)

II. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách huyện năm 2024 (cấp huyện và cấp xã): 149.213.951.871 đồng. Dự toán sau khi đã điều chỉnh: 720.619.951.871 đồng.

Trong đó:

1. Tăng chi chương trình bổ sung có mục tiêu: 41.709.822.230 đồng.
2. Tăng dự toán thu chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 là: 79.992.602.043 đồng.

3. Tăng dự toán chi từ nguồn kết dư ngân sách năm 2023 là: 27.511.527.598 đồng.

(Chi tiết tại phần B của biểu số 81)

III. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2024 là 141.936.797.880 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh 709.595.489.080 đồng.

Trong đó:

- Tăng chi chương trình bổ sung có mục tiêu: 41.709.822.230 đồng.
- + Chi ngân sách cấp huyện: 34.551.322.230 đồng
- + Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã: 7.158.500.000 đồng.
- Tăng dự toán chi từ nguồn thu chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 là: 74.103.338.683 đồng.
- Tăng dự toán chi từ nguồn kết dư ngân sách năm 2023 là: 26.123.636.967 đồng.

(Chi tiết tại phần A của biểu số 82)

IV. Điều chỉnh dự toán chi sự nghiệp kinh tế -2.500.000.000 đồng, tăng chi quản lý hành chính +2.500.000.000 đồng.

Trên đây là nội dung điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện Mỹ Tú 06 tháng đầu năm 2024, trình Đại biểu HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên:
- TT.HU, TT.HĐND
- Đại biểu HĐND
- Thành viên UBND
- Lưu:VT

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Phong

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN MỸ TÚ NĂM 2024
(Kèm theo Tờ trình số 77 / TT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Mỹ Tú)

Stt	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2024	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+), GIẢM TRỪ (-)	DỰ TOÁN 2024 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
Đơn vị tính: đồng					
A	TỔNG SỐ DỰ TOÁN THU NS HUYỆN	571.406.000.000	149.213.951.871	720.619.951.871	
	Trong đó:				
I	Dự toán thu huyện được hưởng theo phân cấp	34.850.000.000		34.850.000.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	536.556.000.000	41.709.822.230	578.265.822.230	
1	Thu bổ sung cân đối	480.206.000.000	-	480.206.000.000	
2	Thu bổ sung mục tiêu	56.350.000.000	41.709.822.230	98.059.822.230	
2.1	Giao đầu năm	56.350.000.000	-	56.350.000.000	
2.2	Bổ sung 6 tháng đầu năm	-	41.709.822.230	41.709.822.230	
-	KINH PHÍ CTMTQG NĂM 2024		29.387.000.000	29.387.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		1.852.000.000	1.852.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp)).		6.074.000.000	6.074.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Mã CTMT). Vốn đầu tư		6.592.000.000	6.592.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024 (Vốn đầu tư _ nguồn ngân sách trung ương).		8.346.000.000	8.346.000.000	
+	Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. (Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương)		6.523.000.000	6.523.000.000	
-	BỔ SUNG TRONG NĂM 2024		12.322.822.230	12.322.822.230	
+	Kinh phí thăm, tặng quà và chúc Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024		953.400.000	953.400.000	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2024.		156.500.000	156.500.000	
+	Kinh phí để thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa các công dưới đê. Trong đó, cần ưu tiên bố trí các công trình chống hạn, xâm nhập mặn và các xã nông thôn mới để hoàn hành tiêu chí về thủy lợi.		6.100.000.000	6.100.000.000	
+	Kinh phí hỗ trợ Ban Tổ chức hội thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng		34.000.000	34.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (nguồn ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp))		1.470.000.000	1.470.000.000	
+	Kinh phí thực hiện chính sách tỉnh giảm biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.		858.463.361	858.463.361	
+	Kinh phí duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015.		135.000.000	135.000.000	
+	Kinh phí thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.		170.000.000	170.000.000	
+	Kinh phí thực hiện chính chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ		175.458.869	175.458.869	
+	Kinh phí tổ chức kỷ niệm 79 năm Ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2024) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/2024)		70.000.000	70.000.000	
+	Hỗ trợ kinh phí tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Mỹ Tú năm 2024		2.200.000.000	2.200.000.000	
3	Thu chuyển nguồn	-	79.992.602.043	79.992.602.043	
-	Chuyển nguồn huyện		74.103.338.683	74.103.338.683	
-	Chuyển nguồn xã		5.889.263.360	5.889.263.360	
4	Thu kết dư	-	27.511.527.598	27.511.527.598	
4,1	Kết dư ngân sách huyện	-	26.123.636.967	26.123.636.967	
4,2	Kết dư ngân sách xã	-	1.387.890.631	1.387.890.631	
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (BAO GỒM NGÂN SÁCH XÃ)	571.406.000.000	149.213.951.871	720.619.951.871	
1	Chi ngân sách cấp theo phân cấp	515.056.000.000	-	515.056.000.000	
1,1	Chi đầu tư phát triển	28.848.000.000	-	28.848.000.000	
1,2	Chi thường xuyên	476.109.000.000	-	476.109.000.000	
	Trong đó:				
1	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	284.633.000.000		284.633.000.000	
2	Chi khoa học và công nghệ	-		-	
3	Chi quốc phòng	1.945.000.000		1.945.000.000	
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	324.000.000		324.000.000	
5	Chi sự nghiệp y tế	1.621.000.000		1.621.000.000	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.000.000.000		1.000.000.000	
7	Chi sự nghiệp truyền thanh	540.000.000		540.000.000	
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.001.000.000		1.001.000.000	
9	Chi sự nghiệp môi trường	2.702.000.000		2.702.000.000	
11	Chi sự nghiệp kinh tế	48.431.000.000		48.431.000.000	
	Trong đó: Kinh phí bảo vệ đất trồng lúa	21.280.000.000		21.280.000.000	
12	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	40.145.000.000		40.145.000.000	
13	Chi bảo đảm xã hội	31.797.000.000		31.797.000.000	
	Trong đó: Kinh phí ĐBXH theo ND 136/2013/NĐ-CP			-	
14	Chi thường xuyên khác	2.000.000.000		2.000.000.000	
15	Chi ngân sách xã, thị trấn	59.970.000.000		59.970.000.000	
1,3	Dự phòng ngân sách	10.099.000.000	-	10.099.000.000	
2	Chi từ kết dư ngân sách năm 2023	-	27.511.527.598	27.511.527.598	
2,1	Chi từ kết dư NS huyện	-	26.123.636.967	26.123.636.967	
-	Chi XD CB	-	-	-	
-	Chi thường xuyên	-	26.123.636.967	26.123.636.967	
2,2	Chi từ kết dư ngân sách xã, thị trấn	-	1.387.890.631	1.387.890.631	
3	Chi từ nguồn thu chuyển nguồn	-	79.992.602.043	79.992.602.043	
3,1	Chi chuyển nguồn huyện		74.103.338.683	73.752.237.087	
-	Chi XD CB		9.488.229.748	9.488.229.748	
-	Chi thường xuyên		64.615.108.935	64.264.007.339	
3,2	Chuyển nguồn xã		5.889.263.360	5.889.263.360	
-	Chi XD CB		2.823.961.900	2.823.961.901	
-	Chi thường xuyên		3.065.301.460	3.065.301.460	
4	Chi từ số bổ sung có mục tiêu do ngân sách cấp trên	56.350.000.000	41.709.822.230	98.059.822.230	
4.1	Chương trình mục tiêu đầu năm	56.350.000.000	-	56.350.000.000	
4.2	Chương trình mục tiêu bổ sung 06 tháng đầu năm	-	41.709.822.230	41.709.822.230	



ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2024
(Kèm theo Tờ trình số 77 / TT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Mỹ Tú)

Phụ lục số 02

Đơn vị tính : đồng

Stt	Chi tiêu	Dự toán đầu năm 2024	Điều chỉnh (tăng(+), giảm (-))	Dự toán 2024 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5=3+4	6
	TỔNG CỘNG	567.658.691.200	141.936.797.880	709.595.489.080	
A	NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	511.436.000.000	134.778.297.880	646.214.297.880	
I	Dự toán đầu năm	455.086.000.000	-	455.086.000.000	
-	Chi XDCB	28.848.000.000		28.848.000.000	
-	Chi thường xuyên	416.139.000.000		416.139.000.000	
-	Dự phòng ngân sách	10.099.000.000		10.099.000.000	
II	Chi chương trình mục tiêu	56.350.000.000	34.551.322.230	90.901.322.230	
II.1	Chi chương trình mục tiêu đầu năm	56.350.000.000		56.350.000.000	
II.2	Chi chương trình mục tiêu bổ sung 06 tháng	-	34.551.322.230	34.551.322.230	
-	KINH PHÍ CTMTQG NĂM 2024		22.770.000.000	22.770.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		1.732.000.000	1.732.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp)).		2.516.000.000	2.516.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Mã CTMT). Vốn đầu tư		6.592.000.000	6.592.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024 (Vốn đầu tư _ nguồn ngân sách trung ương).		8.346.000.000	8.346.000.000	
+	Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.(Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương)		3.584.000.000	3.584.000.000	
-	BỔ SUNG TRONG NĂM 2024		11.781.322.230	11.781.322.230	
+	Kinh phí thăm, tặng quà và chúc Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024		953.400.000	953.400.000	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2024		156.500.000	156.500.000	
+	Kinh phí đề thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa các cống dưới đê. Trong đó, cần ưu tiên bố trí các công trình chống hạn, xâm nhập mặn và các xã nông thôn mới để hoàn thành tiêu chí về thủy lợi.		6.100.000.000	6.100.000.000	
+	Kinh phí hỗ trợ Ban Tổ chức hội thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng		34.000.000	34.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (nguồn ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp))		1.050.000.000	1.050.000.000	
+	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP		858.463.361	858.463.361	
+	Kinh phí duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015.		13.500.000	13.500.000	
+	Kinh phí thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.		170.000.000	170.000.000	
+	Kinh phí thực hiện chính chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ		175.458.869	175.458.869	
+	Kinh phí tổ chức kỷ niệm 79 năm Ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2024) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/2024)		70.000.000	70.000.000	
+	Hỗ trợ kinh phí tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Mỹ Tú năm 2024		2.200.000.000	2.200.000.000	
III	Chi từ kết dư ngân sách huyện	-	26.123.636.967	26.123.636.967	
1	Vốn đầu tư XDCB	-	-	-	
2	Chi thường xuyên	-	26.123.636.967	26.123.636.967	
IV	Chi chuyển nguồn		74.103.338.683	74.103.338.683	
1	Chi XDCB	-	9.488.229.748	9.488.229.748	
2	Chi thường xuyên	-	64.615.108.935	64.615.108.935	
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN	56.222.691.200	7.158.500.000	63.381.191.200	
I	Chi bổ sung cân đối	56.222.691.200		56.222.691.200	
II	Chi bổ sung có mục tiêu		7.158.500.000	7.158.500.000	
-	KINH PHÍ CTMTQG NĂM 2024		6.617.000.000	6.617.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 (vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		120.000.000	120.000.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp)).		3.558.000.000	3.558.000.000	
+	Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.(Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương		2.939.000.000	2.939.000.000	
-	BỔ SUNG TRONG NĂM 2024		541.500.000	541.500.000	
+	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (nguồn ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp))		420.000.000	420.000.000	
+	Kinh phí duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015.		121.500.000	121.500.000	

CÂN ĐỐI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 77/TT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Mỹ Tú)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Dự Toán đầu năm 2024	+Phát sinh tăng -Phát sinh giảm	Dự Toán 2024 sau điều chỉnh
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN	571.406.000.000	149.213.951.871	720.619.951.871
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	34.850.000.000	-	34.850.000.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	3.100.000.000	-	3.100.000.000
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	31.750.000.000	-	31.750.000.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	536.556.000.000	41.709.822.230	578.265.822.230
-	Thu bổ sung cân đối	480.206.000.000	-	480.206.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	56.350.000.000	41.709.822.230	98.059.822.230
III	Thu kết dư	-	27.511.527.598	27.511.527.598
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	79.992.602.043	79.992.602.043
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	571.406.000.000	149.213.951.871	720.619.951.871
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	515.056.000.000	107.504.129.641	622.560.129.641
1	Chi đầu tư phát triển	28.848.000.000	12.312.191.648	41.160.191.648
2	Chi thường xuyên	476.109.000.000	95.191.937.993	571.300.937.993
3	Dự phòng ngân sách	10.099.000.000	-	10.099.000.000
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu	56.350.000.000	41.709.822.230	98.059.822.230
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	29.387.000.000	29.387.000.000
2	Chi các chương trình mục tiêu , nhiệm vụ	56.350.000.000	12.322.822.230	68.672.822.230
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-	-

**CÂN ĐỐI ĐIỀU CHỈNH NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 77 / TT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Mỹ Tú)

Đơn vị tính : đồng

Số tt	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	+Phát sinh tăng - Phát sinh giảm	Dự toán năm 2024 sau điều chỉnh
A	NGÂN SÁCH HUYỆN			
I	Nguồn thu ngân sách	567.658.691.200	141.936.797.880	709.595.489.080
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	31.102.691.200	0	31.102.691.200
-	Thu ngân sách hưởng 100%	2.275.000.000	-	2.275.000.000
-	Thu ngân sách hưởng từ các khoản thu phân chia	28.827.691.200		28.827.691.200
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	536.556.000.000	41.709.822.230	578.265.822.230
-	Thu bổ sung cân đối	480.206.000.000		480.206.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	56.350.000.000	41.709.822.230	98.059.822.230
3	Thu kết dư ngân sách	-	26.123.636.967	26.123.636.967
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	74.103.338.683	74.103.338.683
II	Chi ngân sách	567.658.691.200	141.936.797.880	709.595.489.080
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	511.436.000.000	134.778.297.880	646.214.297.880
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	56.222.691.200	7.158.500.000	63.381.191.200
-	Chi bổ sung cân đối	56.222.691.200	0	56.222.691.200
-	Chi bổ sung có mục tiêu		7.158.500.000	7.158.500.000
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			0
B	NGÂN SÁCH XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách	59.970.000.000	14.435.653.991	74.405.653.991
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	3.747.308.800	0	3.747.308.800
-	Thu ngân sách hưởng 100%	825.000.000	0	825.000.000
-	Thu ngân sách hưởng từ các khoản thu phân chia	2.922.308.800	-	2.922.308.800
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	56.222.691.200	7.158.500.000	63.381.191.200
-	Thu bổ sung cân đối	56.222.691.200	0	56.222.691.200
-	Thu bổ sung có mục tiêu		7.158.500.000	7.158.500.000
3	Thu kết dư		1.387.890.631	1.387.890.631
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		5.889.263.360	5.889.263.360
II	Chi ngân sách	59.970.000.000	14.435.653.991	74.405.653.991

